

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Thơm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 09, xã Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N – có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 09, xã Tâm T, huyện Cư J, tỉnh Đắk N – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nộp ngày 23/5/2024 và tại bản tự khai nguyên đơn ông Trịnh Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 ông và bà L quen biết, yêu thương nhau, sau đó cả hai quyết định kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk (hiện nay là UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/1991. Tuy nhiên trong Giấy chứng nhận kết hôn họ tên vợ là Phạm Thúy L, sinh năm 1972, quê quán tỉnh Hà Nam N, trong khi đó Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của bà L, họ và tên của bà L là Phạm Thị L, sinh ngày 01/01/1970, quê quán huyện Hải H, tỉnh Nam Đ (trước đây là tỉnh Hà Nam N).

Ông C đã liên hệ UBND xã Tâm Thắng để đính chính tên và năm sinh của bà L trong Giấy chứng nhận kết hôn thì được biết Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng ông bà không có trên hệ thống dữ liệu của UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Do đó hiện nay vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

Về cuộc sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm trong cuộc sống hôn nhân không phù hợp, khiến cho cuộc sống ngày càng áp lực nặng nề, mặc dù hai bên đã cố gắng, hai gia đình cũng đa can thiệp nhưng vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Phạm Thị L.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 03 con chung tên Trịnh Thị T, sinh ngày 26/12/1991; Trịnh Thị Y, sinh ngày 28/10/1993 và Trịnh Thị Bích V, sinh ngày 14/01/1996. Khi ly hôn vì 03 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn bà Phạm Thị L:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phiên tòa:**

\* Nguyên đơn có xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Bị đơn: Bà Phạm Thị L vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn ông Trịnh Văn Cửu đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn bà Phạm Thị Liễu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trịnh Văn C và bà Phạm Thị L.

Về con chung: Do 03 con chung Trịnh Thị T, sinh ngày 26/12/1991; Trịnh Thị Y, sinh ngày 28/10/1993 và Trịnh Thị Bích V, sinh ngày 14/01/1996 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường và ông C không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Ông C khai ông và bà Liễu chung sống với nhau từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk (hiện nay là UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông), tuy nhiên theo Công văn trả lời số 103/UBND-TPHT ngày 28/6/2024 của UBND xã Tâm Thắng, tỉnh Đắk Nông cho biết: *UBND xã Tâm Thắng không còn lưu trữ được hồ sơ về việc đăng ký kết hôn của ông Trịnh Văn C và bà Phạm Thị L. Sổ đăng ký kết hôn từ năm 2000 trở về trước không còn nữa.* Ngoài ra ông Trịnh Văn C cung cấp cho Tòa án 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 02 do UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk cấp, trong giấy chứng nhận kết hôn này Họ tên vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1972, Họ tên chồng là Trịnh Xuân C, sinh năm 1968, trong khi Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Họ, chữ đệm và tên của bà Liễu là Phạm Thúy L, sinh ngày 01/01/1970 và Căn cước công dân của ông C thể hiện Họ và tên của ông C là Trịnh Văn C, sinh ngày 01/01/1969. Qua đó có thể thấy ông C và bà L khởi kiện không phải là ông C và bà L trong Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyền số 02 do UBND xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk cấp do đó không có cơ sở xác định ông C và bà L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phạm Thị L có HKTT tại Thôn 9, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức: Nguyên đơn ông Trịnh Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt lần thứ hai không có lí do. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn C và bà Phạm Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1991 đến nay, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

*Về mâu thuẫn gia đình:* Về cuộc sống vợ chồng ông C và bà L thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm trong cuộc sống hôn nhân không phù hợp, khiến cho cuộc sống ngày càng áp lực nặng nề, mặc dù hai bên đã cố gắng, hai gia đình cũng đa can thiệp nhưng vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật bà L nhiều lần nhưng bà L vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện bà L không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên bà L không còn tình cảm đối với ông C. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông C và bà L đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà Liễu.

- *Về con chung:* Trong quá trình sống chung ông C và bà L có 03 con chung là Trịnh Thị T, sinh ngày 26/12/1991; Trịnh Thị Y, sinh ngày 28/10/1993 và Trịnh Thị Bích V, sinh ngày 14/01/1996, vì các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, ông C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 267; Điều 271; Điều 228; Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn C.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trịnh Văn C và bà Phạm Thị L.

*Về con chung:* Ông C và bà L có 03 con chung là Trịnh Thị T, sinh ngày 26/12/1991; Trịnh Thị Y, sinh ngày 28/10/1993 và Trịnh Thị Bích V, sinh ngày

14/01/1996, vì các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, ông Cửu không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Ông Trịnh Văn C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp theo Biên lai thu số 0005081 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Ông C đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Văn C và bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- Tòa án nhân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- UBND xã Tâm Thắng;
- CCTHADS Huyện Cư Jút;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**

